



Nhà văn
BÌNH NGUYỄN LỘC

@TIEULUN 2024

4 • Nhà Văn Bình Nguyên Lộc

- Tiểu sử và Sự nghiệp (Tống Diên)
- Nhà văn Bình-nguyên Lộc (Đỗ Hữu Phương)
- Bình-nguyên Lộc, Một nhân sĩ trong làng văn (Võ Phiến)
- Nhân cách Bình-nguyên Lộc (Mai Thảo)

TỔNG DIÊN là thứ nam của nhà văn Bình-nguyên Lộc, là người hiện bảo quản những tài liệu còn lưu lại sau khi nhà văn từ trần. Căn cứ theo gia phả và hồ sơ quan trọng, ông đã điều chỉnh lại một số dữ kiện, vì “tam sao thất bản” hay vì một lý do nào đó, đã bị phổ biến sai lạc, trong đó có một vài chi tiết “không đúng” do chính nhà văn đưa ra.

Tên thật : TÔ VĂN TUẤN (07.03.1915 – 07.03.1987)

Cha: Tô Phương Sâm (1878-1971)

Mẹ: Dương Thị Mẹo (1876-1972)

Vợ: Dương Thị Thiệt (1911-1988)

Con:

Tô Dương Hiệp (1935-1973),

Tô Hòa Dương (1937),

Tô Loan Anh (1939), Tô Mỹ Hạnh (1940),

Tô Vĩnh Phúc (1947)

I- SƠ LƯỢC VỀ TIỂU SỬ

1.- Đại Cương

Theo giấy khai sanh, Bình-nguyên Lộc (BNL) tên thật là Tô Văn Tuấn, sanh ngày 7-3-1915 tại làng Tân Uyên (từ năm 1920 trở đi thành quận lỵ của quận Tân Uyên), tổng Chánh Mỹ Trung, tỉnh Biên Hòa, thuộc Đồng Bằng sông Đồng Nai, Nam Việt. Thật ra BNL sanh ra ít nhứt là một năm trước ngày ghi trong giấy khai sanh, nghĩa là sanh vào năm 1914, còn ngày sanh không biết có đúng là ngày 7 tháng 3 hay không. Ông sinh ra và lớn lên trong một ngôi nhà chỉ cách bờ sông Đồng Nai hơn một trăm thước thôi. Chính con sông Đồng Nai này đã giúp ông chất liệu để hoàn

6 • Nhà Văn Bình Nguyên Lộc

tất một số tác phẩm như truyện ngắn “Đồng Đội” (trong Ký Thác), hồi ký “Sông Vĩn Đợi Chờ” (viết và đăng báo ở California), v.v....

Từ năm 1919-1920 ông theo học chữ nho với một ông đồ trong làng. Trường học chỉ là một lều tranh. Sau đó ông học trường Tiểu học ở Tân Uyên vào những năm 1921-1927. Năm 1928 ông ở nhà luyện Pháp văn để thi vào Trung học (Enseignement primaire supérieur) Pétrus Trương Vĩnh Ký ở Sài Gòn, rồi từ 1929-1933 ông theo học trung học này và đậu bằng Thành Chung (Diplôme d'Études Primaires Supérieures) vào năm 1933. (Trong bản thảo một bài trả lời phỏng vấn, chẳng biết về sau có đăng báo không, BNL viết rằng ông không có bằng cấp chi cả. Không rõ ông viết như vậy với dụng ý gì chớ thực sự ông có bằng Thành Chung)

Rời trường Pétrus Ký ông thi vào ngạch thư ký hành chánh nhưng hơn một năm sau mới được tuyển dụng, vì lúc đó thế giới đang ở thời kỳ kinh tế khủng hoảng. Ban đầu ông phục vụ tại Kho Bạc Thủ Dầu Một, rồi sau đó chuyển xuống Kho Bạc Sài Gòn, sau này được cải danh là Tổng Ngân Khố. Năm 1944, BNL bệnh thần kinh nên xin nghỉ dài hạn không lương, và từ đó về sau không trở lại với nghề công chức nữa (thời gian 1970-1975 ông làm Hội Viên Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục Việt Nam, nhưng đây không phải là công việc của người công chức)

Tản cư về quê năm 1945, BNL hồi cư về quận Lái Thiêu tỉnh Thủ Dầu Một vào cuối năm 1946, ba năm sau ông xuống Sài Gòn và cư ngụ hẳn ở đó tới năm 1985. Tháng 10 năm này ông được xuất ngoại theo chương trình đoàn tụ gia đình. Ông sang Mỹ định cư ở Rancho Cordova, một city nằm trong thủ phủ Sacramento của Tiểu bang California Hoa kỳ và từ trần ở đó ngày 7-3-1987 vì bệnh huyết áp cao. Ông được an táng ngày 14-3-1987 tại nghĩa trang Sunset Lawn.

2.- Sinh hoạt văn nghệ

BNL đang viết dang dở tập hồi ký “Nếu Tôi Nhớ Kỹ” thì qua đời. Trong tập đó có bài “Ông Bà Bút Trà” kể lại trường hợp nào ông bà Bút Trà gia nhập báo giới rồi kết hôn với nhau, còn BNL thì lại dấn thân vào con đường viết văn. Số là vào khoảng năm 1930, 1931, 1932... có một bà phú thương Việt Nam tên Tô Thị Thân thay mặt người chồng Hoa Kiều, tục danh là chú Xôi, để đứng tên làm chủ 20 tiệm cầm đồ tại Sài Gòn. Vì bị báo chí Sài Gòn thuờ ầy chỉ trích là gian thương, là phường cho vay cắt cổ, v.v..., bà muốn ra một tờ báo để tự bình vực nên bà tìm người phụ trách tờ báo đó. Bà giao công việc tìm kiếm này cho người thơ ký kế toán của bà tên Tô Văn Giỏi, vốn là anh họ của BNL. Ông Giỏi nhờ BNL tìm kiếm người làm báo. BNL thuờ ầy chưa biết viết văn nhưng rất ham thích văn nghệ, ông có quen biết hai người đàn anh văn nghệ là Lê Hoàng Mưu bút hiệu Mộng Huê Lầu và Trương Quang Tiền, không có bút hiệu. BNL ngó ý nhờ hai ông này giúp bà Tô Thị Thân làm báo theo tiêu chuẩn do chính bà đề ra là “viết nhứt trình thiệt giỏi và ăn rẻ”. Hai ông từ chối, có lẽ tự xét mình không đáp ứng được tiêu chuẩn “thiệt giỏi mà ăn rẻ” của bà Thân. Tuy từ chối nhưng ông Trương Quang Tiền lại giới thiệu một người bạn của ông là ông Bút Trà, lúc ấy đang gặp khó khăn tài chánh. Ông Bút Trà tuy chưa hề làm báo nhưng cũng nhận đảm trách tờ “Sài Gòn Họa Báo” cho bà Tô Thị Thân. Ít lâu sau, bà Thân ly dị ông chồng Hoa Kiều và kết hôn với ông Bút Trà. Về phần BNL, do việc tìm kiếm người làm báo đó mà ông bắt đầu tới lui với các văn nghệ sĩ, ký giả, v.v... Lòng ưa chuộng văn nghệ được khơi động thêm lên, nó khiến ông tập viết văn để sau này trở thành nhà văn thực sự.

Trong bài “Hăm Bảy Năm Làm Báo” cũng trích từ tập hồi ký “Nếu Tôi Nhớ Kỹ” nói trên đây, BNL cho biết ông viết văn, viết báo từ năm 1942 nhưng đến năm 1946 mới làm báo. Bản thảo bài trên đây đã thất lạc, chỉ còn lại trang đầu, nhưng có thể đoán hiểu ý ông muốn nói đến năm 1946 ông mới nhúng tay vào những công việc có tính cách kỹ thuật để cho một tờ báo hình thành được như chọn lựa, sắp xếp, trình bày bài vở, v.v... Như đã nói ở trên, BNL bắt đầu viết văn viết báo từ năm 1942. Lúc ấy ông cộng tác với báo Thanh Niên của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát. Trong ban biên tập còn có Xuân Diệu, Huy Cận (hiện diện trong ban biên tập trước BNL), Mặc Đỗ, v.v... Chính BNL đã đề nghị ban biên tập đăng bài thơ “Mã Chiếm Sơn”

8 • Nhà Văn Bình Nguyên Lộc

của một độc giả mới gọi tới. Độc giả đó là Tô Hữu. Sau đó ít lâu Tô Hữu cũng vào ban biên tập Thanh Niên luôn. Sau 1954 Tô Hữu xuất bản tập thơ “Từ Ấy” trong đó có bài “Mã Chiếm Sơn” . (Các chi tiết trên đây do BNL kể lại cho gia đình nghe).

Từ năm 1948 BNL xuống định cư hẳn ở Sài Gòn nhưng không trở lại nghề công chức nữa và sinh sống bằng nghề viết báo, làm báo. Ông cộng tác với các báo Lẽ Sống (với bút hiệu Phong Ngạn, Phóng Ngang, Phóng Dục, v.v...), Đời Mới, Tin Mới, v.v...

Năm 1957, 1958 ông cộng tác với các tạp chí Bách Khoa, Văn Hóa Ngày Nay (của Nhất Linh) và làm chủ nhiệm tuần báo Vui Sống năm 1959. Năm 1960-1963 ông phụ trách trang văn nghệ của báo Tiếng Chuông, rồi năm 1964-1965 làm chủ biên nhựt báo Tin Sớm.

Từ năm 1965-1975 ông chuyên viết feuilleton cho các nhựt báo. Ngay từ những năm 1951, 1952, BNL đã có viết feuilleton rồi. Phần lớn những feuilletons đó có cốt truyện thuộc loại chuyện phiêu lưu, dã sử, v.v... và được ông ký dưới bút hiệu khác như Phong Ngạn, Trình Nguyên, v.v.... Đến năm 1956 BNL mới bắt đầu viết feuilleton có cốt truyện tình cảm và ký bút hiệu BNL luôn. Những năm 1960-1975 là thời kỳ ông viết feuilleton nhiều nhứt. Trước 1975, tạp chí VĂN ở Sài Gòn có đăng bài phỏng vấn ông do Nguyễn Nam Anh, tức nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, thực hiện. Đáp câu hỏi « Ông có phải là nhà văn có tiểu thuyết đăng nhiều ở các nhựt báo không ? », BNL cho biết là vào năm 1957 ông viết 11 feuilletons mỗi ngày, nhưng sau đó chính Lê Xuyên và An Khê mới là những tác giả dẫn đầu về số lượng feuilletons. An Khê có năm viết tới 12 feuilletons mỗi ngày, một con số mà theo BNL chưa ai vượt qua nổi. Riêng theo trí nhớ của tôi thì khoảng thời gian BNL viết feuilleton nhiều nhứt là 1962-1969.

Từ năm 1975-1985 ông nằm nhà, không tham gia các sinh hoạt xã hội và văn nghệ với lý do bị bệnh kiệt sức và huyết áp cao.

Ông định cư ở Mỹ từ tháng 10 năm 1985, bệnh đỡ nhiều nhưng chưa bình phục hẳn. Tuy nhiên, ông đã viết lách trở lại và đăng báo nhiều bài viết thuộc các thể loại truyện ngắn, hồi ký, tiểu thuyết, “tìm biết”, “về nguồn”, ngôn ngữ học, dân tộc học, v.v.... Một số tiểu thuyết của ông đang được viết và đăng báo dở dang thì ông qua đời ngày 7-3-1987. Những bản thảo chưa đăng báo còn được gia đình ông lưu giữ nhưng phần lớn đã thất lạc.

3.- Sinh hoạt gia đình và xã hội

a.- BNL mắc bệnh thần kinh năm 1944, năm sau mới khỏi bệnh. Nhưng từ năm 1950 đến năm 1964 ông trở nên cực kỳ khó tính, thường xuyên gây căng thẳng trong gia đình. Chẳng rõ đây có phải là một trạng thái bệnh tâm thần loại nhẹ biến chứng từ bệnh thần kinh năm 1944 không. Chỉ biết là BNL cứ đinh ninh bản thân ông không thể mắc bệnh tâm thần, chỉ có vợ, con, cháu và bạn bè ông mới có thể mắc bệnh này mà thôi (thực ra, ông quả có hai người cháu và vài bạn làng văn mắc bệnh tâm thần). Do đó ông ưa hỏi thăm về bệnh tâm thần để cứu chữa cho... thân nhân và thân hữu! Cũng vì quan tâm tới bệnh tâm thần – mà ông nghĩ là của người khác chớ không bao giờ là của ông cả – BNL đã cùng người trưởng nam là bác sĩ Tô Dương Hiệp, giám đốc Bệnh Viện Tâm Thần Biên Hòa, soạn thảo một công trình biên khảo lấy tựa là “Khinh Tâm Bệnh Và Sáng Tác Văn Nghệ”. Hình như một vài bài trong tập biên khảo này đã được đăng tải trên đặc san của Bệnh Viện Tâm Thần Biên Hòa cùng với nhiều tranh vẽ và văn thơ của các văn nghệ sĩ mắc bệnh tâm thần đang nằm điều trị tại bệnh viện nói trên (như Bùi Giáng, Nguyễn Ngu Í, v.v...). Tác phẩm “Khinh Tâm Bệnh Và Sáng Tác Văn Nghệ” không biết đã hoàn tất chưa – nhưng chắc chắn là chưa xuất bản – thì BS Tô Dương Hiệp từ trần và bản thảo đã thất lạc.

b.- Khi còn ở Việt Nam, BNL thường giao du thân mật với Nguyễn Ang Ca, An Khê, Hà Liên Tử.

II .- VĂN NGHIỆP

1.- Các bút hiệu:

– Bình-nguyên Lộc: bút hiệu chánh cho các truyện ngắn, truyện dài tình cảm.

– Phong Ngạn : bút hiệu của tiểu thuyết dã sử “Quang Trung Du Bắc” và “Tân Liêu Trai”

– Phóng Ngang, Phóng Dọc: biến thể của Phong Ngạn, bút hiệu của những bài trào phúng.

– Trình Nguyên: bút hiệu của một feuilleton, tiểu thuyết dã sử liên quan đến cuộc chiến Việt Chiêm, chỉ xuất hiện trong một truyện.

– Tôn Dzật Huân: bút hiệu của truyện trinh thám, là một loại tự-mê (anagramme) biến thể từ tên tộc Tô Văn Tuấn, chỉ dùng một lần

– Hồ Văn Huân: bút hiệu của khảo cứu “Sửa Sai Cổ Sử“, cũng là loại tự-mê, biến thể từ tên Tô Văn Tuấn, xuất hiện từ khi ở hải ngoại.

– Diên Quỳnh: bút hiệu của chỉ một truyện vừa, tình cảm ở nồng độ tâm trạng đen, và của chỉ một truyện ngắn khác.

2.- Quá trình hoạt động văn chương báo chí theo thứ tự thời gian

– 1942-45: bắt đầu viết văn, viết báo, cộng tác với báo THANH NIÊN của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát

– 1946: làm báo

– 1948: chánh thức sinh sống với nghề viết văn, làm báo

– 1950: báo ĐIỀN TÍN

– 1951-1957:

* báo LỄ SỐNG của Ngô Công Minh với bút hiệu PHONG NGẠN, PHÓNG NGANG, PHÓNG DỘC

* báo VIỆT THANH (1951) với bút hiệu TRÌNH NGUYỄN

* tuần báo ĐỜI MỚI (1951-54) của TRẦN VĂN AN

* báo TIN MỚI (1952) của TRẦN VĂN AN với nhiệm vụ là chủ biên và ký bút hiệu là TÔN DZẬT HUÂN trong một truyện trinh thám

– 1957-1958: các tạp chí BÁCH KHOA (không thường xuyên tới 1975), VĂN HÓA NGÀY NAY (của NHẬT LINH)

– 1959: chủ nhiệm tuần báo VUI SỐNG, ngoài bút hiệu chánh còn có tên ĐIỀN QUỲNH.

– 1960-1962: phụ trách trang trong của báo TIẾNG CHUÔNG

– 1963: báo QUYẾT TIỀN cùng với NGUYỄN KIÊN GIANG, TRƯỜNG SƠN, HỒ VĂN ĐỒNG. Ít tháng sau ông trở lại báo Tiếng Chuông

– 1964-1965: chủ biên báo TIN SỚM

– 1966: chủ biên tờ HY VỌNG của Tướng NGUYỄN BẢO TRỊ

– 1975-1985: không tham gia các sinh hoạt văn nghệ báo chí. Lý do: bệnh kiệt sức và huyết áp cao

– 10.1985: định cư ở Mỹ.

12 • Nhà Văn Bình Nguyên Lộc

– 1986-1987: TIỂU THUYẾT NGUYỆT SAN, báo ÍCH TRẮNG, VIỆT NAM NHẬT BÁO, VĂN NGHỆ TIỀN PHONG, LÀNG VĂN, PHỤ NỮ DIỄN ĐÀN, NHẬT BÁO NGƯỜI VIỆT, ĐỜI (của Nguyên Sa), THẮNG MỒ, CHUÔNG VIỆT, VĂN, NHÂN VĂN, VIỆT NAM TỰ DO, LỬA VIỆT, v..v..

– 7.03.1987: từ trần vì huyết áp cao

3.- Tác phẩm đã xuất bản

– 1950: Nhót Gió

– 1959:

*Đò Dọc (lúc còn ở dạng thức feuilleton thì mang tựa là “Gái Chợ Về Quê”);

*Gieo Gió Gặt Bão;

*Tân Liêu Trai (ký bút hiệu Phong Ngạn).

– 1960: Ký Thác

– 1962: Nhện Chờ Mối Ai

– 1963:

*Xô Ngã Bức Tường Rêu;

*Bí Mật Cửa Nàng;

*Ái Ân Thâu Ngắn Cho Dài Tiếc Thương;

*Bóng Ai Qua Ngoài Song Cửa;

*Hoa Hậu Bò Đào;

*Mối Tình Cuối Cùng;

*Nửa Đêm Trắng Sụp;

*Tâm Trạng Hồng.

– 1965:

- *Đừng Hỏi Tại Sao;
- *Mưa Thu Nhớ Tầm.

– 1966:

- *Tình Đất;
- *Những Bước Lang Thang Trên Hè Phố Cửa Gã Bình-nguyên Lộc.

– 1967:

- * Một Nàng Hai Chàng (quay thành phim Hồng Yến năm 1972);
- * Quán Tai Heo;
- * Thầm Lặng;
- * Trâm Nhớ Ngàn Thương (Trâm và Ngàn là tên hai nhân vật chính);
- * Uống Lộn Thuốc Tiên;
- * Nụ Cười Nước Mắt Học Trò.

– 1968:

- * Đèn Càn Giò;
- * Diễm Phương;
- * Sau Đêm Bó Ráp.

– 1969:

- * Cuống Rún Chưa Lìa;
- * Khi Từ Thức Về Trần;
- * Nhìn Xuân Người Khác;
- * Món Nợ Thiêng Liêng.

– 1971: Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam

14 • Nhà Văn Bình Nguyên Lộc

– 1972:

- * Lột Trần Việt Ngữ;
- * Cõi Âm Nơi Quán Cây Dương,
- * Lữ Đoàn Mông-Đen

Ngoài ra còn có một số tác phẩm không nhớ rõ năm xuất bản. Đó là truyện nhi đồng Đi Viếng Đồi Xưa (1962 (?); Tỳ Vết Tâm Linh.(1965 (?)

Trong tập Ký Thác có hai truyện được dịch ra tiếng ngoại quốc:

Rừng Mắm, truyện ngắn được xem là tác phẩm cô đọng của trường thiên tiểu thuyết Phù Sa, hoặc ngược lại Phù Sa là tác phẩm triển khai ra cho dài của truyện Rừng Mắm, theo ghi chú của nhà xuất bản Văn Nghệ, đã được nhà thơ Xuân Việt, tức là giáo sư đại học luật khoa Nghiêm Xuân Việt dịch ra tiếng Pháp (theo trí nhớ của người viết thì vào khoảng cuối thập niên 1950), đăng ở tập san Pen Club. Bản dịch ra Anh văn do nhà văn James Banerian ở San Diego, California, Hoa kỳ, cho đăng tải trong tập Vietnamese Short Stories, đã xuất bản. Bản dịch thứ ba là của một tác giả ở Tây Đức. Và bản dịch thứ tư cũng ra tiếng Pháp là của Phan Thế Hồng với sự hợp tác của Danielle Linais ở Việt Nam.

Truyện Ba Con Cáo, cũng theo nhà xuất bản Văn Nghệ, được nhà văn Lê văn Hoàn ở San Francisco dịch ra tiếng Anh và đã đoạt giải nhất truyện ngắn quốc tế ở Manila, Phi luật tân.

4.- Tác phẩm chưa xuất bản

Những feuilletons viết và đăng báo dưới bút hiệu khác trong thời gian 1951-1954 không được tác giả cho xuất bản. Sau 1960 nhiều feuilletons ký bút hiệu BNL cũng không được xuất bản. Khoảng 6 tiểu thuyết được các nhà xuất bản chọn lựa để in nhưng rốt cuộc đã không thực hiện và cũng không trả lại bản thảo. Nói chung khoảng ba bốn chục feuilletons đã đăng trọn vẹn trên báo nhưng chưa được in thành sách.

Theo Nguyễn Q. Thắng (nhà xuất bản Văn Học Hà Nội) thì tới năm 1973 BNL còn 32 tác phẩm chưa in thành sách:

1-Phù Sa;

2-Ngụy Khôi;

3-Đôi Giày Cũ Chữ Phạn;

4-Thuyền Trưởng Sống Lô;

5-Mà Vẫn Chưa Ngươi Hình Bóng Cũ;

6-Người Săn Áo Ảnh;

7-Suối Đôi Lốt;

8-Trữ La Bến Cũ;

9-Bọn Xé Rào;

10-Cô Sáu Nam Vàng;

11-Một Chuyến Ra Khơi;

12-Trọng Thủy – Mị...Đường;

13-Sở Đoàn Của Đàn Ông;

14-Luật Rừng (Tổng Diên:nhan đề đầu tiên có lẽ là Luật Rừng Xanh khi còn đăng báo);

15-Cuồng Ca Thế Kỷ;

16-Bóng Ma Dĩ Vãng;

16 • Nhà Văn Bình Nguyên Lộc

17-Gái Mẹ;

18-Khi Chim Lìa Tổ lạnh;

19-Ngõ 25;

20-Hột Cơm Ngô Chúa;

21-Lưỡi Dao Cùn;

22-Con Khi Đột Trò Xiếc;

23-Con Quỷ Ban Trưa;

24-Quạt Mồ Người Đẹp;

25-Người Đẹp Bến Ninh Kiều;

26-Bưởi Biên Hòa;

27-Giấu Tận Đáy Lòng;

28-Quang Trung Du Bắc;

29-Xóm Đề Bô (Tổng Diên:khi đăng báo có tựa là Xóm Đề Pô);

30-Hai Kiếp Nhả Tơ;

31-Muôn Triệu Năm Xưa;

32-Hở Phách Thời Gian.

Theo thiên ý thì con số thực sự còn cao hơn nữa. Chẳng hạn như tôi vừa phát hiện ra feuilleton có tựa là Thiếu Nữ Gâu Gâu đăng trên nhật báo SỐNG MẠNH ở Sài Gòn vào năm 1970, mà không có bài viết nào có ghi truyện này trong bản liệt kê. Như vậy, có nhiều khả năng là một số feuilletons của BNL đã bị các nhà viết văn học sử quên mất hoặc không tìm thấy.

5.- Tác phẩm viết ở hải ngoại

1- Sửa Sai Cổ Sử I (về Việt Nam) dài 177 trang đánh máy.

2- Sửa Sai Cổ Sử II (về Đông Nam Á) dài 214 trang đánh máy. Cả hai quyển trên đây đều được ký bút hiệu Hồ Văn Huân (tức là anagramme của Tô Văn Tuấn)

3- Trường Giang Cửu Long đăng trên VIỆT NAM NHẬT BÁO được ít nhất là 93 số thì BNL qua đời.

NHÀ VĂN BÌNH-NGUYỄN LỘC (1914-1987)

Đỗ Hữu Phương

1- TIỂU SỬ:

Nhà văn Bình-Nguyên Lộc (BNL) tên thật là Tô Văn Tuấn, sinh ngày 7-3-1915 tại làng Tân Uyên (từ năm 1920 trở đi thành quận lỵ của quận Tân Uyên), tổng Chánh Mỹ Trung, tỉnh Biên Hòa, thuộc đồng bằng sông Đồng Nai, Nam Việt. Thật ra BNL sinh ra ít nhứt là một năm trước ngày ghi trong giấy khai sanh, nghĩa là sanh vào năm 1914. Ông sinh ra và lớn lên trong một ngôi nhà đã có mười đời sống cạnh bờ sông Đồng Nai. Chính hình ảnh dòng sông Đồng Nai đã đi vào ngòi bút của ông và đã giúp ông chất liệu để hoàn tất nhiều tác phẩm. Thân phụ là ông Tô Phương Sâm, thân mẫu là bà Dương Thị Mẹo.

Bình-Nguyên Lộc là bút danh của nhà thơ Tô Văn Tuấn. Có người cho rằng, nhà văn đã lấy tên của quê hương mình làm bút danh với lối giải thích: Bình-Nguyên là đồng bằng, cái bằng phẳng phì nhiêu hiền hòa của quê hương. Lộc là Nai; tên một loại thú hiền lành đẹp đẽ. Nai hiền đồng bằng chỉ muốn được sống êm đềm giữa cỏ biếc, hoa thơm nơi quê mẹ. Bình-Nguyên Lộc có nghĩa là Đồng Nai.

Từ năm 1919-1920 ông theo học chữ nho với một ông đồ trong làng. Trường học chỉ là một lều tranh. Sau đó ông học trường Tiểu học ở Tân Uyên vào những năm 1921-1927. Năm 1928 ông ở nhà luyện Pháp văn để thi vào Trung học (Enseignement primaire supérieur) Pétrus Trương Vĩnh Ký ở Sài Gòn, rồi từ 1929-1933 ông theo học trung học này và đậu bằng Thành Chung (Diplôme d'Études Primaires Supérieures) vào năm 1933. Rồi trường Pétrus Ký ông thi vào ngạch thư ký hành chánh nhưng hơn một năm sau mới được tuyển dụng, vì lúc đó thế giới đang ở thời kỳ kinh tế khủng hoảng. Ban đầu ông phục vụ tại Kho Bạc Thủ Dầu Một, rồi sau đó chuyển xuống Kho Bạc Sài Gòn, sau này được cải danh là Tổng Ngân Khố. Năm 1944, BNL bệnh thần kinh nên xin nghỉ dài hạn không lương, và từ đó về sau không trở lại với nghề công chức nữa. Thời gian 1970-1975 ông làm hội viên Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục Việt Nam. .

Ông lập gia đình với bà Dương Thị Thiệt. Ông bà có năm người con là: Tô Dương Hiệp (1935), Tô Hòa Dương (1937), Tô Loan Anh (1939), Tô Mỹ Hạnh (1940), và Tô Vĩnh Phúc (1947).

Tản cư về quê năm 1945, BNL hồi cư về quận Lái Thiêu tỉnh Thủ Dầu Một vào cuối năm 1946, ba năm sau ông xuống Sài Gòn dần thân vào bước đường cầm bút và cư ngụ hẳn ở đó tới năm 1985. Tháng 10 năm này ông được xuất ngoại theo chương trình đoàn tụ gia đình. Ông sang Mỹ định cư ở Rancho Cordova, một city nằm trong thủ phủ Sacramento của Tiểu bang California Hoa kỳ và từ trần ở đó ngày 7-3-1987 vì bệnh huyết áp cao. Ông được an táng ngày 14-3-1987 tại nghĩa trang Sunset Lawn.

2- SINH HOẠT VĂN NGHỆ.

Bút danh Bình-Nguyên Lộc đã trở thành một hiện tượng của giới viết văn Sài Gòn. Bằng suy nghĩ và cái nhìn về cuộc sống tinh tế của mình, BNL đã sáng tác hàng loạt tác phẩm lưu dấu trên văn đàn thời bấy giờ. Tập Hương Gió Đồng Nai, khởi thảo từ năm 1935 và hoàn thành vào năm 1942, nhưng truyện ngắn đầu tay Di Dân Lập Ấp được đăng tải trên tuần báo Thanh Niên tại Sài Gòn năm 1943. Sau đó với Câu Dầm dựa theo chuyện cổ tích của làng Tân Uyên. Tập truyện Nhốt Gió do nhà xuất bản Thời Thế ở Sài Gòn ấn hành năm 1950 và trong suốt nhiều thập niên, ông đã sáng tác trên tám trăm truyện ngắn, trên năm mươi truyện dài và nhiều tác phẩm biên khảo có giá trị. Năm 1952, ông chủ trương tuần báo trào phúng Tin Mới. Năm 1959, ra đời tuần báo Vui Sống và năm 1960 chủ trương nhà xuất bản Bến Nghé. Ông có chân trong Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục, Hội Nhà Văn Việt Nam và Trung Tâm Văn Bút Việt Nam. Với nghề báo, ông khởi sự vào năm 1946, nhưng đến thập niên 60, ông được mời làm chủ bút nhiều tờ báo ở Sài Gòn. Bình-Nguyên Lộc đã ý thức sứ mạng văn chương của mình, ông được xem là nhà văn tiêu biểu của miền Nam Việt Nam trước năm 1975.

20 • Nhà Văn Bình Nguyên Lộc

Theo tài liệu thứ nam của ông Bình-Nguyên Lộc, ông Tô Hòa Dương với bút hiệu Tống Diên ghi lại thì từ năm 1957, 1958 ông cộng tác với các tạp chí Bách Khoa, Văn Hóa Ngày Nay (của Nhất Linh) và làm chủ nhiệm tuần báo Vui Sống năm 1959. Năm 1960-1963 ông phụ trách trang văn nghệ của báo Tiếng Chuông, rồi năm 1964-1965 làm chủ biên nhật báo Tin Sớm.

Từ năm 1965-1975 ông chuyên viết feuilleton cho các nhật báo. Ngay từ những năm 1951, 1952, BNL đã có viết feuilleton rồi. Phần lớn những feuilletons đó có cốt truyện thuộc loại chuyện phiêu lưu, dã sử, v.v... và được ông ký dưới bút hiệu khác như Phong Ngạn, Trình Nguyên, v.v.... Đến năm 1956 BNL mới bắt đầu viết feuilleton có cốt truyện tình cảm và ký bút hiệu BNL luôn. Những năm 1960-1975 là thời kỳ ông viết feuilleton nhiều nhất. Trước 1975, tạp chí Văn ở Sài Gòn có đăng bài phỏng vấn ông do Nguyễn Nam Anh, tức nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, thực hiện. Đáp câu hỏi « Ông có phải là nhà văn có tiểu thuyết đăng nhiều ở các nhật báo không ? », BNL cho biết là vào năm 1957 ông viết 11 feuilletons mỗi ngày, nhưng sau đó chính Lê Xuyên và An Khê mới là những tác giả dẫn đầu về số lượng feuilletons. An Khê có năm viết tới 12 feuilletons mỗi ngày, một con số mà theo BNL chưa ai vượt qua nổi. Riêng theo trí nhớ của tôi thì khoảng thời gian BNL viết feuilleton nhiều nhất là 1962-1969.

Bình-Nguyên Lộc không chỉ là một nhà văn, sáng tác nhiều, BNL còn được biết đến với tư cách là một nhà nghiên cứu. Ông đã có công chú giải nhiều tác phẩm văn chương cổ điển Việt Nam như: Văn Chiêu Hồn, Tiếc Thay Duyên Tán, Phận Tàn (Nguyễn Du), Tự Tình Khúc (Cao Bá Nhạ), Thu Dạ Lữ Hoài Ngâm (Đinh Nhật Thận). Những công trình nghiên cứu “Lột Trần Việt Ngữ”, đặc biệt là tác phẩm “ Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt” được sự chú ý của giới khoa học. Mặc dù còn có những luận điểm trong công trình nghiên cứu của ông chờ sự thẩm định của lịch sử, nhưng những đóng góp đó rất đáng trân trọng.

Từ năm 1975-1985 ông nằm nhà, không tham gia các sinh hoạt xã hội và văn nghệ với lý do bị bệnh kiệt sức và huyết áp cao. Ông định cư ở Mỹ từ tháng 10 năm 1985, bệnh đỡ nhiều nhưng chưa bình phục hẳn. Tuy nhiên, ông đã viết lách trở lại và đăng báo nhiều bài viết thuộc các thể loại truyện ngắn, hồi ký, tiểu thuyết, “tìm biết”, “về nguồn”, ngôn ngữ học, dân tộc học, v.v.... Một số tiểu thuyết của ông đang được viết và đăng báo dở dang thì ông qua đời ngày 7-3-1987. Những bản thảo chưa đăng báo còn được gia đình ông lưu giữ nhưng phần lớn đã thất lạc.

3- TÁC PHẨM

Tác phẩm đã được xuất bản trong những năm :1950: Nhốt Gió, 1959: Đò Dọc, 1960: Ký Thác, 1962: Nhện Chờ Mối Ai, Đi Viếng Đời Xưa, 1963: Xô Ngã Bức Tường Rêu, Bí Mật Của Nàng, Ái Ân Thân Ngắn Cho Dài Tiếc Thương, Bóng Ai Qua Ngoài Song Cửa, Hoa Hậu Bỏ Đào, Mối Tình Cuối Cùng, Nửa Đêm Trăng Sụp, Tâm Trạng Hồng. 1965: Đừng Hỏi Tại Sao, Mưa Thu Nhớ Tầm, 1966: Tình Đất, Những Bước Lang Thang Trên Hè Phố Của Gã Bình-Nguyên Lộc. 1967: Một Nàng Hai Chàng (quay thành phim Hồng Yến năm 1972), Quán Tai Heo, Thầm Lặng, Trăm Nhớ Ngàn Thương, Uống Lộn Thuốc Tiên, Nụ Cười Nước Mắt Học Trò. 1968: Đèn Càn Giò, Diễm Phương, sau Đêm Bỏ Ráp. 1969 Cuồng Rún Chưa Lìa, Khi Từ Thức Về Trần, Nhìn Xuân Người Khác, Món Nợ Thiêng Liêng. 1971: Nguồn Gốc Mã Lai của Dân Tộc Việt Nam. 1972: Lột Trần Việt Ngữ, Cõi Âm Nơi Quán Cây Dương, Lữ Đoàn Mông Đen.

Những tác phẩm chưa in thành sách: Phù Sa, Ngụy Khôi, Đôi Giày Cũ Chữ Phạn, Thuyền Trưởng Sống Lô, Mà Vẫn Chưa Người Hình Bóng Cũ, Người Săn Áo Ảnh, Suối Đồi Lốt, Trữ La Bến Cũ, Bọn Xé Rào, Cô Sáu Nam Vang, Một Chuyến Ra Khơi, Trọng Thủy, Mị Đường, Sở Đoàn Của Đàn Ông, Luật Rừng, Cuồng Ca Thế Kỷ, Bóng Ma Dĩ Vãng, Gái Mẹ, Khi Chim Lìa Tổ Lạnh, Ngõ 25, Hột Com Ngô Chúa, Lưỡi Dao Cùn, Con Khi Đột Trò Xiếc, Con Quí Ban Trưa, Quạt Mò Người Đẹp, Người Đẹp Bến Ninh Kiều, Bưởi Biên Hòa, Dầu Tận Đáy Lòng, Quang Trung Du Bắc, Xóm Đê Bò, Hai Kiếp Nhả Tơ, Muôn Triệu Năm Xưa, Hở Phách Thời Gian... và còn nhiều truyện viết feuilleton trên các báo. Ông và trường nam

là bác sĩ chuyên khoa tâm thần Tô Dương Hiệp, giám đốc bệnh viện tâm thần Biên Hòa, viết chung tác phẩm về y học Kinh Tâm Bệnh & sáng tác văn nghệ, nhưng bác sĩ Tô Dương Hiệp mất năm 1973 nên không xuất bản.

Tác phẩm viết tại hải ngoại: Sửa Sai Cổ Sử 1 (viết về Việt Nam), Sửa Sai Cổ Sử 2 (viết về Đông Nam Á), Trường Giang Cửu Long (đăng trên Việt Nam nhật báo), Đổ Xô Vào Nam (đăng trên Việt Nam nhật báo), Hồn Việt Lạc Loài, Cà Phê Ôm tại Thành Phố Hồ Chí Minh (đăng trên báo Phụ Nữ Tiểu Thuyết ở Cali), Sông Vắn Đợi Chờ, Nếu Tôi Nhớ Kỳ...

4- TÂM HỒN TRONG VĂN CHƯƠNG

Bình-Nguyên Lộc vừa làm văn vừa làm báo trong chủ quyền của riêng mình, hoàn toàn tự do và độc lập với mọi thế lực tiền bạc và chính trị. BNL cho biết, trong tất cả những gì đã viết, ông thích nhất ba cuốn: Những Bước Lang Thang Trên Hè Phố Của Gã Bình-Nguyên Lộc, Cuống Rún Chưa Lìa, Tỳ Vết Tâm Linh. Nhót Gió là tác phẩm rất hay của BNL, tác giả viết truyện Nhót Gió với thái độ nồng nhiệt yêu đời của một người nhớ quê, nhớ dân tộc. Đã gắn liền với miền quê, làm bạn với dân quê. Văn chương Bình-Nguyên Lộc đều mang hơi thở của cuộc sống thời đại, mang đậm không khí đất và người miền Nam trong cái thuở tiền nhân khai hoang, mở cõi. Văn chương của ông thường thấm đẫm tình yêu quê hương, xứ sở, đề cao vốn văn hoá truyền thống của dân tộc, ca ngợi những phẩm chất cao quý đã giúp dân tộc tồn tại và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh bền bỉ. “Con Tám Cù Lằn” là một trong những truyện ngắn xuất sắc của BNL, tiêu biểu cho khuynh hướng nghệ thuật của ông, chan chứa tình yêu quê hương xứ sở. Con Tám cù lằn là nhân vật chính của truyện, nhân vật này được BNL dựng lên để diễn tả cho tư tưởng của mình. Hay nói cách khác, hình tượng con Tám cù lằn trong truyện chính là một phần hiện thân của BNL. Ở truyện ngắn “Con Tám Cù Lằn” nỗi nhớ quê hương mãnh liệt của con Tám đã trở thành một nỗi ám ảnh, day dứt được BNL lựa chọn để phát ngôn cho tư tưởng mình. Hoài niệm của BNL là hoài niệm của một người sống ở đô thành luôn mang nỗi nhớ về chốn thôn quê. Bởi theo BNL, thôn quê mới đáng để cho người ta nhớ. Nhớ từ mùi thơm rạ, mùi khói đốt đồng, nhớ từ con ốc gạo chẳng đáng giá gì.... Song, đó mới là quê xứ đích thực, là cái

để người ta đáng nhớ. Thổ ngơi, mùi vị, cuộc sống, nếp sinh hoạt của vùng đồng bằng sông Đồng nai, sông Cửu long...là đề tài, là nguồn cảm hứng dường như không bao giờ cạn cho những trang viết của Bình-Nguyên Lộc. Ông thường nói “văn tôi bắt nguồn từ những cảnh đẹp với quê hương và xuất phát từ lòng nhớ nhung tha thiết của tôi với nó”. Tình cảm và lòng nhớ nhung tha thiết mà nhà văn nhắc đến ấy còn là nguyên nhân để văn chương ông hướng đến việc lưu giữ hình ảnh con người và những giá trị văn hoá vùng đồng bằng miền Nam trong vòng chảy mãi miết của thời gian.

Trong mối quan hệ với tự nhiên bao gồm đất đai, sông nước, ruộng vườn, cây cỏ, thời tiết nắng mưa...BNL luôn luôn cho rằng đất là tình yêu sâu nặng nhất của con người. Tập quán, nếp sinh hoạt ở một nước nông nghiệp lâu đời dường như đã ăn sâu trong tiềm thức của người dân. Những nhân vật trong truyện ngắn của BNL dù trong cảnh ngộ nào cũng mơ ước có một gia đình êm ấm, hạnh phúc. Ngay cả với người ngoài gia đình, họ cũng dè dặt, gần gũi theo kiểu người trong nhà hơn là giữ lễ nghi, phép tắc. Sợi dây liên hệ giữa người với người trong cộng đồng ấy chính là nghĩa tình bất kỳ họ ở đẳng cấp, vị trí nào. Nhân vật trong những truyện ngắn của ông là biểu hiệu của cuộc sống đa dạng, phong phú và cho quan niệm đạo đức xã hội.

Trong truyện Cuồng Rún Chưa Lìa, BNL lý giải rằng con người không bao giờ quên cội nguồn, dù đã già, dù sống cách xa vạt dặm với nơi sinh ra thì cuồng rún của họ vẫn không lìa đất mẹ, vẫn gắn kết tự nhiên mật thiết với quê hương. Đối với BNL, con người làm sao có thể đoạn tuyệt với gia đình, nhất là với những người thân quê, ruột thịt có liên quan đến huyết thống của mình, làm sao có thể quay lưng với quá khứ, nhất là khi quá khứ đó còn có khả năng tiếp sức cho thực tại. Truyện dài nổi tiếng nhất của Bình-Nguyên Lộc và cũng là tác phẩm tiêu biểu cho sự nghiệp văn chương của ông là cuốn Đò Dọc đã được giải nhất văn chương toàn quốc năm 1959. Đò Dọc là bức tranh xã hội miền Đông Nam vào giữa thập niên 1950. Cuốn tiểu thuyết tâm lý thành công Đò Dọc nói về cuộc sống di dân ngược xuôi như những chuyến đò dọc của ông bà Nam Thành cùng bốn cô con gái: Hương, Hồng, Hoa, Quá. Gia đình này đang gặp phải hồi sa sút, không giải

quyết nổi đời sống ở đô thành, họ đành rút lui về vườn theo quyết định của người gia trưởng. Đó là một sự hy sinh lớn của bốn cô gái từng được ăn học và quen sống thị thành nhất là cả bốn cô đều đến tuổi lấy chồng.

Nụ cười cởi mở và thái độ xuê xoa, giản dị, cũng là cá tính của người miền Nam trong nhà văn BNL. Ông viết nhiều, viết nhanh về tất cả những gì xảy ra và gần gũi với mình, không cầu kỳ trau chuốt tỉ mỉ, cũng không quá hời hợt hay vì ảo tưởng danh vọng. Sự xuất hiện của BNL trên văn đàn trong bối cảnh văn chương đô thị miền Nam (1954-1975) đã tạo ra niềm tin và ấn tượng tích cực cho người đọc. BNL gọi lại hồn dân tộc, tìm về với bản quán quê hương, với đời thường và cuộc sống gia đình giản dị và bình yên. BNL là một nhà văn phong phú. Ông đề cập đến nhiều vấn đề, nói đến rất nhiều cảnh sống và bày tỏ rất nhiều thái độ. BNL còn khiến ta mến yêu vì cái sắc thái địa phương đậm đà ở trong tác phẩm. Với BNL, chúng ta có dịp trở về với ruộng đồng miền Nam, chui qua các ngõ ngách của đô thành, tìm đến những hàng quán cũ, chứng kiến những nếp sống, những thói tục và những con người không thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào khác. Bình-Nguyên Lộc là một nhà văn yêu nước, ông rất đau lòng khi đất nước bị xâm lăng, và có lẽ cái đau xót nhất trong cuộc đời BNL chính là sản phẩm đồi bại của văn hóa Tây Phương đang lấn lướt vào văn hoá truyền thống của dân tộc. BNL yêu mến từ căn bản tình yêu đất nước, yêu làng quê nơi chôn nhau cắt rún. Trong tác phẩm, BNL chủ trương đề cao tình yêu quê hương, đất nước, thiết tha với lịch sử dân tộc. Lòng yêu nước của BNL được thể hiện qua tình yêu quê hương, xứ sở, yêu cánh cò, yêu ruộng lúa, mùi thơm. Trong truyện “ Những Đứa Con Thương Của Đất Mẹ” và một số truyện khác của BNL chứng minh cho điều này. Vì vậy, ông vô cùng đau xót khi thấy những thứ quen thuộc này có nguy cơ bị mất, và khi có những người cố tình lãng quên nó. Theo ông, cái đáng nhớ, cái đáng sống, đáng yêu chính là những miền quê thôn dã. Đối với BNL, yêu nước đó là một tình cảm chứ không phải là một thứ lý luận suông. Lòng yêu nước cũng có thể chỉ là những xúc cảm, những rung động sâu xa từ tận đáy sâu tâm hồn. Với một tấm lòng yêu quê hương, xứ sở, với một bút pháp trữ tình, với một giọng văn tâm tình, hoài niệm, ngôn ngữ bình dân đặc trưng của người miền Nam đã để lại một ấn tượng tốt đẹp trong lòng người đọc và qua đó, cũng gợi cho người đọc thêm yêu quê hương, đất nước mình hơn, cũng như càng yêu thương, trân trọng những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

Theo Cụ Trần Cao Lĩnh, trước 1975, mỗi khi tới gặp là thấy Bình-Nguyên Lộc với bộ bà ba màu mỡ gà, mái tóc với đường ngôi rẽ giữa muôn thuở và nhất là cặp mắt rất hiền mà tinh nghịch sau cặp kính gọng vàng biểu tỏ một vẻ thật trí thức mà giản dị. Dung mạo và cư xử của ông cũng như cặp mắt và y phục. BNL không kiêu cách, không biểu lộ xuất chúng, mà nó có một vẻ riêng rất Nai hiền, rất Bình nguyên, thấy yên tâm mà gần gũi, dễ thương làm sao!. Và, vẫn theo thiển ý, các tác phẩm của ông mỗi mỗi đều mang nét tươi sáng, hóm hỉnh tinh nghịch. Biểu lộ chúng đã được cấu tạo do một nhận xét tinh tế của một khoé nhìn trí thức. Và... cũng như văn chương vẫn hấp dẫn, vẫn dí dỏm dù chuyện quê nhà hay quê người cho đến ngày chúa nhật 7 tháng 3 năm 1987, bệnh áp huyết đã mang ông đi từ khuya rồi: “ Nai hiền đã bỏ cuộc rong chơi chữ nghĩa rồi”. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên như định mệnh là ông sinh năm 1914 và mất năm 1987 đều cùng ngày, cùng tháng, đó là ngày 7 tháng 3. Ông thọ 73 tuổi. Trong giây phút đau lòng khóc bạn, Cụ Trần Cao Lĩnh ứng khẩu bốn câu thơ:

Bác Tô thôi đã thôi rồi,
Nước mây đất khách bụi ngùi lòng ta...

...Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu chuốc lấy hai hàng chứa chan.

Thôi nhé! Vĩnh biệt! Nai hiền, bạn thiết.

Người dân miền Nam nước Việt đã mất đi một nhà văn ưu tú. Người dân làng Tân Uyên, nơi đồng ruộng lúa bát ngát xanh tươi với những rừng cây dày đặc bao bọc phía sau, trên những ngọn đồi ven rừng, vào những buổi sáng tinh sương, người dân làng đã không tìm thấy Nai hiền đâu đàn trong bầy nai tự do rong chơi nữa. Nai hiền đã rời bỏ bình nguyên mẹ lìa cuống rún ra đi....Cuộc đời Bình-Nguyên Lộc như chuyện “Đò Dọc” thấm đượm nghĩa tình của quê hương.

Đỗ Hữu Phương

Bình-Nguyên Lộc

Một nhân sĩ trong làng văn

Năm 1969, tạp chí Khởi hành (ở Sài Gòn, số 24, ra ngày 9-10-1969) hỏi Bình-nguyên Lộc: “Ông đang viết cuốn truyện thứ bao nhiêu của ông?” Bình-nguyên Lộc đáp: “Tôi đang viết truyện thứ nhứt”.

Cuốn truyện thứ nhứt của Bình-nguyên Lộc, ông khởi thảo từ năm 1935, năm ông hăm một tuổi. Tức cuốn Hương gió Đồng Nai. Bản thảo thất lạc trong thời chiến tranh, trong những cuộc tản cư hồi hải. Mấy chục năm sau, ông vừa thử viết lại vừa cố gắng tìm bản thảo xưa; ông rao tìm trên mặt báo, kêu gọi sự giúp đỡ của người hảo tâm tứ xứ. Cho tới khi qua đời ở Mỹ năm 1987, tức 52 năm sau, tác phẩm nọ vẫn chưa tìm lại được, vẫn chưa viết lại xong. Đồng Nai là một mối bận tâm suốt đời của Bình-nguyên Lộc. Dòng họ ông vẫn giữ được bản gia phả mười đời. Sinh sống ở đất Tân Uyên, một làng bên con sông Đồng Nai. Mười đời kể đến 1965 (lúc ông trả lời cuộc phỏng vấn của Ngu Í) thì đến đời cháu ông hiện nay đã thành ra mười hai đời, tức độ ba trăm năm; vậy tổ tiên ông thuộc lớp những di dân đầu tiên vào Nam lập nghiệp.

Đồng Nai là bận tâm của một dòng họ. Phù sa là bận tâm của cả miền Nam. Phù sa, tác phẩm thứ hai trong đời Bình-nguyên Lộc, khởi thảo năm 1942, nhằm vào công trình mở mang bờ cõi về phương nam, cho đến mãi tận mũi Cà Mau. Tác phẩm ấy, đến ngày cuối cùng của ông, 45 năm sau, viết đi viết lại mãi vẫn chưa xong.

Chúng ta vừa nói đến hai mối bận tâm, mối bận tâm thứ ba của Bình-nguyên Lộc bao trùm cả dân tộc. Cuốn Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam được xuất bản năm 1971, năm sau đã xuất hiện ngay cuốn Lột trần Việt ngữ. Cả hai đều là sách đồ sộ, đòi hỏi lắm công phu, không biết khởi thảo từ lúc nào, và công cuộc tìm tòi sưu khảo bắt đầu từ bao giờ. Dù sao phải là một thời gian đáng kể; ông từng than với Viên Linh trong cuộc phỏng vấn ở số báo Khởi hành nói trên : “Về ngôn ngữ học thì thật là bề đầu, vì tôi tự học, chớ không có vào trường ngôn ngữ nào hết, mà phải học ngót một trăm ngôn ngữ thì rất khổ”. Biện cô tháng 5-1975 làm cho công trình bị ngưng lại, dở dang. Năm 1985, sang đến Mỹ ông nghĩ ngay đến

việc tiếp tục. Trong lá thư gửi chúng tôi viết ngày 16-1-1986, ông cho biết : “Số là quyển Nguồn gốc Mã Lai của tôi tuy đã dày 950 trang, nhưng thật ra thì chỉ là tome I mà thôi. Tome II quan trọng hơn, tôi đã viết xong tại Sài Gòn, nhưng mang bản thảo theo không đọc, thành thử giờ phải viết lại, mà viết thuộc lòng vì tài liệu cũng không mang theo được (...). Số là trong tome I tôi chỉ mới chứng minh bằng việc đo sọ và bằng trích các cổ thư. Tome II là sách đối chiếu ngôn ngữ, trong đó có nhiều khám phá mới lạ về ngôn ngữ học, mà Âu Mỹ đã làm nhưng không xong.” Đầu năm sau, ông qua đời: lại một bận tâm dày lâu nữa chưa toại nguyện.

Một chủ đề khác cũng được Bình-nguyên Lộc trân trọng. Xem qua các tác phẩm đã xuất bản của ông, người để ý có loại được ông dành cho một sự đặc biệt. Như cuốn Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình-Nguyên Lộc, cuốn Thăm lặng. “Lang thang trên hè phố” là hè phố Sài Gòn đầy thơ: nơi ông đã sống hẳn từ 1949 về sau, tức 36 năm, những năm trưởng thành, sung sức, nơi ông đã trải qua gần như suốt cuộc đời hoạt động văn nghệ của mình.

Sách thuộc loại này – như ông nghĩ – không đáng đến chuyện thương mại: trên đời hẳn không mấy ai đọc nó, mua nó. Sách loại này kẻ viết viết vì mình, in cho mình : thật ít, bìa không hề có màu sắc lòe loẹt. Cuốn Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình-nguyên Lộc in đúng 658 bản trên giấy đặc biệt chế tạo tại làng Vĩnh Cửu, không có bản nào in trên giấy thường, và cam đoan sẽ không bao giờ tái bản ! Sau cuốn “Lang thang”, cuốn Thăm lặng cũng được tác giả liệt cùng loại: sách bìa đen trắng, “bán không ồ ạt“. Năm sau nữa, có lời rao mời độc giả đón đọc cuốn Thu hẹp thiên nhiên, “sẽ chỉ in có 569 quyển và không bao giờ tái bản“; nhưng cuốn này rồi không thấy xuất hiện trên thị trường, chẳng hay có phải vì lý do bán chác thiếu ồ ạt quá đáng mà dự định đành gác bỏ chăng?

“Những bước lang thang” thực ra thuộc một thiên phóng sự dài, tên là thám hiểm đô thành. Trong “những bước lang thang” ấy, Bình-nguyên Lộc ca ngợi “những hàng me Sài Gòn”, những ghe thuyền, những “quả đêm trên sông ông Lãnh” v.v..., với những bài viết từ năm 1952. Trong Thăm lặn bài nói về “Người chuột cống” kiếm ăn trong những ống cống dưới lòng thành phố đã đăng báo từ 1950. Vậy Sài Gòn cũng là một ấp ủ trong lòng tác giả qua nhiều thập kỷ.

Nhớ quê là một ấp ủ khác nữa. Nhà Văn Nghệ ở California tái bản cuốn Cuống rún chưa lia năm 1987 với lời nói đầu (tôi nghĩ là do chính tác giả soạn thảo), cho biết về đề tài này Bình-nguyên Lộc từng viết tới 17 thiên truyện ngắn. Nhớ quê, chữ “quê” nên hiểu rộng : đối với kẻ đi làm ăn xứ xa, thì làng cũ tỉnh cũ là quê; đối với dân ruộng đi Cần Thơ, đi Sài Gòn, sinh sống, thì nông thôn là quê, đối với Việt Kiều theo chồng sang Pháp, sang Mỹ ở, thì nước Việt Nam là quê, đối với dân thương hồ lênh đênh trên sông nước rập rờn, thì mặt đất liền là quê v.v... Quê thì vui, thì quý, thì thương không biết để đâu cho hết, thì nhớ da diết không nguôi được. Lửa reo trong bếp thì vui, nước mưa tràn đồng thì vui; xa đất thấy thêm mùi đất; xa xứ bắt được mùi nước mắm, mùi hương hành kho cá thì ... xao xuyến cả tâm tình v.v... Tôi có cảm tưởng những câu chuyện như thế, trong một đời, từ năm nọ sang năm kia, ông Bình-nguyên Lộc không chỉ đem ra viết có mười bảy cái truyện nhỏ đâu. E hơn thế. Có dịp kiểm điểm kỹ, e còn gặp thêm nhiều.

Trong đời Bình-nguyên Lộc còn có một bận tâm khác nữa. Ông không hề cố ý ấp ủ nó, tự nó đến với ông, dày vò ông. Đó là chứng bệnh thần kinh, được phát hiện vào năm 1944. Năm sau, ông khỏi bệnh. Nhưng vào khoảng thời gian từ 1950 đến 1964, ông bỗng trở nên khó tính, bức tức khác thường, khiến cuộc sống gia đình lắm lúc rất khó khăn. Sự kiện này ám ảnh ông. Trong nhiều năm ông suy nghĩ, tìm hiểu về bệnh thần kinh. Người trưởng nam của ông – bác sĩ Tô Dương Hiệp – chuyên về chứng bệnh này và đã từng là giám đốc một dưỡng trí viện. Hai cha con cùng nhau thực hiện một công trình biên khảo mang tên Khinh tâm bệnh và sáng tác văn nghệ. Sách chưa xuất bản thì bác sĩ Tô Dương Hiệp qua đời. Riêng ông, Bình-nguyên Lộc từng có nhiều truyện về bệnh tâm trí.

Vào khoảng đầu thập niên 70, Nguyễn Nam Anh của tạp chí Văn ở Sài Gòn có hỏi Bình-nguyên Lộc trong một cuộc phỏng vấn về tác phẩm ưng ý nhất của ông, Bình-nguyên Lộc cho biết, trong tất cả những gì đã viết, ông thích nhất ba cuốn : Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình-nguyên Lộc, Cuống rún chưa lia và Tỳ vết tâm linh. “Tại chủ quan tôi thấy nó hay. Nhưng người khác chưa chắc đã thấy như tôi. Tỳ vết tâm linh là cuốn truyện dày về một thiếu nữ bị bệnh tâm trí. Cùng một chủ đề tâm trí, ông còn nhiều truyện ngắn. Cái cảm tình “chủ quan“ của ông đối với cuốn truyện dày kia có chỗ thương tâm.

Chúng ta chắc chắn là chưa kiểm điểm được mọi nỗi niềm tâm sự của Bình-nguyên Lộc : đời có ai thấu hết được lòng ai. Tưởng không nên tham lam quá.

o O o

Bình-nguyên Lộc trước viết báo, rồi sau làm báo luôn. Vừa viết văn vừa làm báo là một đời quá bận rộn, mà sự thiệt thòi thường khi thuộc về phía nhà văn. Người ta vẫn có cảm tưởng rằng cái văn cái truyện viết đăng báo, viết trong hồi hả, e chẳng qua là món tiêu khiển, hời hợt. Báo chí liên hệ với thời sự, không phải thứ để đời.

Ở Bình-nguyên Lộc – như đã thấy – không phải thế. Cái ông viết ra hàng ngày trên báo mà là cái tiêu khiển ư ?- Là tấm lòng ông đấy. Là những thiết tha một đời của ông đấy. Là những gì vẫn theo đuổi ông từ năm nọ đến năm kia không buông tha đấy.

Bình-nguyên Lộc là một tác giả nghiêm chỉnh. Ông được kính trọng.

Năm 1974, trên tạp chí Thời tập (ở Sài Gòn, số ra ngày 10-10-74) Sơn Nam có nói về việc ông mua một cuốn sách cũ của Bình-nguyên Lộc: cuốn Nhốt gió. “Quyển này in 3.000, gần một phần tư thế kỷ rồi, chắc là đã hao mòn, mất mát, người chơi sách họa chẳng còn giữ ở Sài Gòn này chừng

30 • Nhà Văn Bình Nguyên Lộc

mười quyển là nhiều. Chúng tôi may mắn có một quyển, mua cách đây bốn năm ở hiệu bán sách cũ với giá đặc biệt của loại sách cổ sách quý. Năm 1950, sách ghi bán 18đ00. Chúng tôi mua lại 600đ.00 với cái bìa đã nát. Mua để làm gì? Mến mộ Bình-nguyên Lộc là một lẽ...”

Mến mộ Bình-nguyên Lộc không phải chỉ những người cùng xứ, tuổi đáng đàn em, như Sơn Nam. Trong số quen biết bạn bè, giao du về văn nghệ với Bình-nguyên Lộc từ lâu có Xuân Diệu, Huy Cận, Đỗ Đức Thu, Mặc Đỗ, Nguyễn Văn Bổng..., kể Bắc người Trung, trong thời tao loạn có kẻ đứng về bên kia chiến tuyến. Sau tháng 5-1975, Xuân Diệu đến thăm Bình-nguyên Lộc hai lần lại nhà ; Nguyễn Văn Bổng cũng còn đi lại.

Anh chị em cần bút trong Nam thì chắc là số người thân với ông tất phải nhiều hơn, nhưng tôi không thấy cần đông dài. Chỉ xin chú ý đến những nhà văn các miền ngoài, nhất là ngoài Bắc. Ở đó, cái biết về các hoạt động văn học trên phần đất Nam Kỳ cũ rất là sơ sài. Theo sự phác giác của Nguyễn Văn Trung gần đây, bộ môn tiểu thuyết xuất hiện ở trong nam sớm hơn ngoài Bắc chừng ba, bốn chục năm. Vũ Ngọc Phan không hề biết; ông nói về Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tồn...như những người đi tiên phong, mà không kể đến những Lê Hoàng Mưu, Nguyễn Chánh Sắc, Trương Duy Toàn, Trần Chánh Chiêu v.v.. Sau lớp tiên phong, đến lớp nhà văn tiền chiến các cây bút trong Nam cũng không được chú ý bao nhiêu. Trong bộ Nhà văn hiện đại có 79 tác giả, gốc Nam Kỳ cũ được 4 người. (Ở hai quyển 4 và 5, nói về các bộ môn sáng tác, thì không có người Nam nào). Trong Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh và Hoài Chân có 46 tác giả, người Nam chỉ được một cặp ông bà Song Hồ. Sau 1945, miền Bắc chỉ quan tâm đến những cây bút đã gia nhập vào hàng ngũ chính trị của họ. Thành thử sự kết giao của các tên tuổi Bắc Trung vừa kể với Bình-nguyên Lộc là trường hợp hiếm.

Ngoài ra, Bình-nguyên Lộc còn được Nhất Linh chọn mời cộng tác vào tờ tạp chí ông chủ trương ở Sài Gòn sau Genève. Năm 1952, mới từ Hương Cảng về Sài Gòn, Nhất Linh đã nhắn Bình-nguyên Lộc đến gặp mình tại nhà trọ bấy giờ ở đường Lê Văn Duyệt (Phòng văn của Lê Phương Chi, Tin sách số 32, tháng 2-1965).

Một thắc mắc có thể được nêu ra : Liệu có thể bảo rằng những mối giao hữu, những sự chọn lựa nợ đối với Bình-nguyên Lộc là căn cứ trên các ưu tư làm cơ sở cho văn nghiệp một tác giả nghiêm chỉnh không ? Có phải ai tiếp xúc với Bình-nguyên Lộc cũng đề ý đến các hoài bão âm thầm của ông, và quý trọng nó?

– Không phải chúng ta vừa khám phá ra điều bí ẩn nào bất ngờ nơi Bình-nguyên Lộc đâu! Trước chúng ta mấy chục năm, các phòng văn viên Ngu Í, Nguyễn Nam Anh, Viên Linh, vị nào đến với Bình-nguyên Lộc đều biết, đều có đề cập xa gần đến tác phẩm đầu tiên luôn ám ảnh ông. Tất nhiên họ không biết hết mọi hoài bão của Bình-nguyên Lộc. Thì cũng như chúng ta!

– Nhưng những hoài bão cao quý có làm nên giá trị một tác giả hay một tác phẩm văn chương chăng?

– Đó là một nghi vấn lợi hại. Trăm năm trước Oscar Wilde đã nói chắc nịch : “There is no such thing as a moral or an immoral book. Books are well written, or badly written.” Sách chỉ có sách hay với sách dở thôi, cần gì biết tới chuyện cao quý với không cao quý ? Nhưng chúng ta sống trong một truyền thống văn hóa khác. Ở ta, đến như cụ Nguyễn Du mà vẫn từng điều đứng một thời vì cái giá trị đạo lý của cuốn Kiều, hướng chỉ những phận hèn như chúng ta. Mặc dù chúng ta đã xa thời Nguyễn Du, dù các quan niệm văn học Tây phương đã phổ biến rộng rãi, nhưng phải nhận rằng ảnh hưởng của truyền thống vẫn còn : Đối với sách, ngoài chuyện sách hay sách dở ở ta vẫn lắm kẻ lưu tâm đến sách tốt sách xấu; và đối với người (tác giả) ta vẫn quý chuộng những kẻ kiêm đủ tài và ... đức, những kẻ có lòng. Dĩ nhiên chỉ quý chuộng khi sách tất không đến nỗi dở, kẻ có đức không đến nỗi bất tài.

Nhưng chuyện hay dở rồi sẽ bàn sau.

Người ta để ý thấy Nhất Linh mời Bình-nguyên Lộc cộng tác làm báo, nhưng Nhất Linh không đề cử Bình-nguyên Lộc vào Tự Lực văn đoàn, không đưa sách ông vào các nhà xuất bản Phượng Giang, Đời Nay, như đối với một số nhà văn khác lúc bấy giờ (Nhật Tiến, Linh Bảo, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam...). Tại sao vậy? Một cách đánh giá chẳng? Chúng ta không có căn cứ đầy đủ để ước đoán. Hãy bằng lòng với một ghi nhận, một “để ý” vậy thôi.

Từ đó liên tưởng đến vài sự kiện khác.

Trở lại với Sơn Nam, xem cách Sơn Nam đọc sách Bình-nguyên Lộc. Ông mua cuốn Nhốt gió với cái giá đã gấp 33 lần nguyên giá, lý do thứ nhất là vì lòng mến mộ đối với tác giả (như ông đã nói). Lý do thứ hai là đối với tác phẩm: “là muốn có sẵn trong tủ một quyển sách có công dụng thiết thực. Công dụng gì? (...) Chúng tôi đọc Nhốt gió để tìm một vài phút lâng lâng (...) Thế nào là lâng lâng? (...) Muốn thưởng thức Nhốt gió thì nên lật ra, đọc một vài hàng, hoặc vài chục hàng để rồi xếp lại. Hoặc bỏ vài chục trang, đọc một đoạn cho vui. Người đọc không phải cố gắng, chịu cực để theo dõi nhơn vật hoặc suy nghĩ gì cả. Xin giới thiệu vài đoạn (...). Cứ đọc Nhốt gió khi nào mình thấy thiếu thốn một chút hương vị quen thân. Sách chỉ dày có 200 trang, đọc lai rai chừng một tháng là hết, nhưng thỉnh thoảng đọc lại năm ba hàng, tỉnh cờ, lại thấy vui và mới.

Nó giống như ca dao, những câu ca dao bằng văn xuôi.” (Thời tập, Sài Gòn, số đã dẫn.)

Vài đoạn Sơn Nam đem ra giới thiệu là một đoạn nói về cánh rừng dầu lông cao lỏng không, lá khô rôm rốp dưới chân người, ong kêu vù vù như muôn ngàn người trò chuyện trên ngọn cây. Và đoạn nữa là về một anh chàng xa quê nhớ về làng quê, nhớ những buổi đầu đông gió bắc ở rừng về bay theo bầy tu hú, những chiều đầu mùa mưa gió nồm từ biển vào rũ dọc đường bầy bông lỏng mướt trắng mịn như tơ trời...

Cả tháng trời, Sơn Nam đọc từng đoạn như thế, và ông lâng lâng. Thì ra ông có đọc truyện đâu! Tay cầm cuốn truyện, ông đọc ca dao!

Như thế, Sơn Nam quả là tay sành sỏi. Ông Cao Huy Khanh, ông Nguyễn Văn Sâm đọc truyện của Bình-nguyên Lộc, và không mấy vừa lòng. Ông Cao kêu về cái “cá tính ưa thích sự phân tích lý luận bác tạp rộng về bề mặt nhưng thiếu chiều sâu”. Ông Nguyễn cũng bảo “Ông (Bình-nguyên Lộc) giải thích quá nhiều lần, nên người đọc dễ chán, người ta đọc tưởng mình đọc sách học hơn là đang thưởng thức một sáng tác phẩm.” (Tập chí Văn học, Hoa Kỳ, số 18, tháng 7-1987). Hay vị gặp nhau ở cái chủ tâm giảng giải, thuyết phục, nơi Bình-nguyên Lộc.

Hai vị đã bắt đúng một trong vài chỗ nhược của Bình-nguyên Lộc. Một chỗ nữa là cốt truyện. Lấy kinh nghiệm sáng tác của mình, ông khuyên các bạn trẻ đừng nghe lời một số các nhà phê bình mà nghĩ rằng cốt truyện hay thì làm mất giá trị của truyện. (Thời tập, Sài Gòn, số đã dẫn). Có nhà phê bình nào bảo vậy không? Dù sao Bình-nguyên Lộc là một tác giả tốt bụng, ông chuộng loại truyện hay vì truyện (dĩ nhiên cũng hay luôn về các phương diện khác). Truyện nhiều tình tiết hấp dẫn, lôi cuốn, đọc vẫn thích; ông tử tế với độc giả, ông muốn độc giả hưởng nhiều khoái trá.

Rốt cuộc ông lâm lụy vào hai cái ấy: truyện rộn ràng tình tiết và nặng giảng giải

Về cái giảng giải khỏi cần dông dài: một sự kêu trời rập ràng của hai vị Cao – Nguyễn vừa rồi đã đủ. Giảng làm chi chữ hả? Tiểu thuyết gia nào có phải là thầy cô của ai đâu, độc giả tìm đến cuốn truyện nào có ý học hỏi gì đâu mà tự dung hạ người ta xuống phận học trò cho người ta í ới thăm thương!

Còn về tình tiết rộn ràng, có thể chọn một thí dụ nơi cuốn Đò dọc mà ông Cao Huy Khanh cho là “sự thành công duy nhất và quá hiếm hoi” của Bình-nguyên Lộc. Bốn chị em Hương, Hồng, Hoa, Quà đều chưa chồng, các cô đã quá muộn, cha mẹ đã lấy làm lo. Lại gặp cảnh rời Sài Gòn về tỉnh nhỏ, cha mẹ càng lo thêm. Chợt có tai nạn xe xảy đến ngay trước nhà. Trong một đêm, cả bốn chị em nối đuôi trò chuyện với nạn nhân, là anh Long. Rồi bốn chị em cùng yêu. Rồi hai chị em nối nhau tự tử vì tình. Rồi ba chị em lại xúm nhau lấy chồng. Sự việc sao mà dồn dập, mà rục rục, ngoạn mục quá chừng. Cũng ngoạn mục như chuyện yêu đương có dây gai thắt gút, có

đèn pin bỏ túi của một chàng trai Sài Gòn, trong Tỳ vết tâm linh. Lại cũng ngoạn mục như chuyện anh chàng Bùi An Khương trong truyện “Thèm người” bị thất tình, đi trả thù tình, vào rừng, bị con khỉ cái bắt, cặp nách nhảy vùn vụt nên các ngọn cây, đêm đêm trối chàng lên cành cây, ban ngày hái trái ngậm đầy mồm đem về nuôi chàng, nuôi để mà ... hiếp. Chàng trai sống riết với khỉ đến gần mất hình người.

Chúng ta có cảm tưởng ông Bình-nguyên Lộc có hảo ý muốn làm vui người đọc. Hảo ý không thuộc về nghệ thuật.

o O o

Giải giải là một quan tâm về ý nghĩa, cốt truyện ly kỳ là mối quan tâm gây thích thú. Ý nghĩa nếu cao xa, diễn biến nếu ngoạn mục, xem qua biết rồi cũng sẽ mất lý do thu hút. Trong khi đó vài câu băng quơ, chẳng hạn:

“Ai về Giồng Dứa qua truông
Gió run bông sậy để buồn cho em”

lại có thể hát đi hát lại hoài vẫn còn sức kích động. Ông Sơn-Nam bỏ qua các khoản kia, nhảy vọt qua từng đoạn sách, chọn đọc những câu “ca dao” trong truyện Bình-nguyên Lộc, cho nên sách cũ một phần tư thế kỷ vẫn thấy hay.

Cái nhược kia với cái ưu này cùng của ông Bình-nguyên Lộc cả. Và đều do những bận tâm áp ủ một đời của ông cả. Điều áp ủ mà nóng lòng đem ra phân giải quá lộ liễu thành hổng. Nỗi lòng áp ủ mà tiềm ẩn tận cội sâu trong tâm hồn hoặc kín đáo bộc lộ, hoặc bất thần xuất hiện không chủ tâm lại gây xúc động, lại làm nên giá trị nghệ thuật.

Cảnh rừng đầu lông ong kêu vù vù (“Thèm người”) cảnh những chiếc ghe thương hồ đậu kinh Tàu Hủ, những chiếc ghe từ các miền Ba Thắc, Đồng Nai... lên, trên mũi chèo vài ba cây cảnh, trước mũi một con heo đứng ngơ ngác nhìn bờ (...), những chiếc ghe khảm lừ hàng hóa, thủ phạm người vợ hiền chăm nuôi con dại, và bờ ngõ như một chị nhà quê lạc lõng vào thành phố (“Sông ông Lãnh”); cảnh mùa mưa nước dâng ngoài đồng,

đom đóm đậu nghệt lá cây, chớp nháy buồn thê thiết, cảnh hai ba giờ khuya thức giấc, cất tiếng hú chị em bạn vậy đoàn chín chị mười chị cùng đi chợ vui không quên nổi (“Con Tám cù lằn”); chuyện những ngôi cổ mộ, hoặc của một ông sư hoặc của một ông tướng, phu phen ty Lộ chính đô thành quật lên nay ở góc đường này mai góc đường kia, những mả cũ bên đường một đô thị nhộn nhịp gọi bao nhiêu ngậm ngùi (“Hui nhị tì II”) v.v..., bấy nhiêu chuyện nọ cảnh kia rải rác khắp tác phẩm Bình-nguyên Lộc. Lại còn như câu chuyện người các tỉnh lên Sài Gòn làm ăn, buổi sáng ngồi ở bên ông Lãnh uống tách cà-phê, trông ra những chiếc ghe thương hồ trên sông mà:

“Nhìn ghe bỗng chạnh tình quê
Rưng rưng nước mắt tư bề người dung”

lại nghĩ quán :

“Ghe ơi, vài bữa ghe về
Nhấn người dưới ruộng cô Quì còn không?”

Ghe đi ghe lại về, người xa xứ thì mòn mỏi tháng năm trên các nẻo đường đô thành, tư bề người dung ! Những cái ấy cũng làm ông Sơn Nam lằng lằng sầu được chứ ! Những cái ấy, chúng là những “ca dao” lổm đổm trong truyện, trong thơ, trong bút ký, trong mọi môn loại sáng tác của Bình-nguyên Lộc. Chúng là cái dấu ấn phân biệt thứ văn chương đăng báo, văn chương nhật trình của Bình-nguyên Lộc với văn nhật trình của bao kẻ khác.

Những đóm “ca dao” ấy đã kết tinh từ cái thiết tha đối với quê hương, nguồn gốc, đất đai, cái thiết tha từng ôm ấp các công trình Phù sa, Đồng Nai, Mã Lai v.v...trong mấy thập kỷ. Cái ưu này kết hợp với cái khuyết kia kết quả thế nào? Nên cân nhắc bên nặng bên nhẹ ra sao cho phải ? Chắc chắn Bình-nguyên Lộc không có ý cãi cộ với ai, nhưng có lần cùng Nguyễn Nam Anh nói chuyện, trước 1975 (bài phỏng vấn được đăng lại trên tạp chí Văn học, Hoa Kỳ, số 18 năm 1987) ông đã xác quyết, cũng chắc nịch như Oscar Wilde: “Giữa tài với đức, đức phải hơn. Tôi không phải là một nhà đạo đức chút xíu nào hết, nhưng tôi vẫn trọng đức của người khác, đánh giá họ bằng đức chứ không bằng tài, mặc dầu tôi vẫn quý trọng tài của họ lắm.”

36 • Nhà Văn Bình Nguyên Lộc

Bình-nguyên Lộc không chịu nhận lấy cho mình chút xíu đạo đức nào, nhưng tấm lòng của ông chắc chắn là yếu tố đáng kể trong sự quý trọng của người đời. Người ta quý trọng ông như quý trọng một nhân sĩ trong làng văn, cái lòng rộng lớn cả cõi Nam Kỳ cũ.

Võ Phiến
tháng 5-1998

Nhân cách Bình-nguyên Lộc

Thời gian đầu, sau khi cộng sản đã lấy nốt được miền Nam là thời gian còn được dễ yên, chưa bị kết tội, chưa bị lùng bắt, tôi thường sáng sáng một mình đạp xe đạp qua một Sài Gòn tan nát tới thăm một nhà thơ và một nhà văn, người trước Bắc, người sau Nam, cả hai đều thuộc thế hệ trước tôi, cả hai đều đã tên tuổi lẫy lừng từ thời tiền chiến.

Những thăm viếng thường xuyên này của tôi, giữa Sài Gòn và trong đời đời lúc đó được đọc bởi hai điều. Một, hai khuôn mặt lớn ấy của văn học Miền Nam, từ quốc nạn 1975, đã đóng kín địa chỉ, dựng cao lũy hoa, cắt đứt với đời, không ra khỏi nhà, muốn gặp họ tôi phải tìm tới. Hai, giữa cái thể chế chuyên chính đã trùm kín, chưa bao giờ trong đời tôi lại cảm thấy sự cần thiết lớn lao phải giữ chặt lấy một số thân tình bền vững tôi hằng mến yêu và kính trọng. Và hai cái đối tượng của thăm viếng thường xuyên thì với tôi lại là hai niềm mến yêu và kính trọng vô cùng. Nhà thơ miền Bắc tôi vừa nói tới là Vũ Hoàng Chương. Và nhà văn miền Nam, Bình-nguyên Lộc.

Vũ Hoàng Chương thời gian đó ở khá xa, mãi bên vùng Khánh Hội, trong một ngõ hẻm khuất khúc giữa phường Cây Bàng, trên căn Gác Bút lừng tiếng, nơi thi sĩ bị công an cộng sản tới bắt đem giam nhốt vào khám Chí Hòa rồi trở về trong hấp hối lâm chung và lìa đời ở đó. Bình-nguyên Lộc ở gần hơn. Thăm viếng do vậy cũng ngắn đường hơn, trong cuối đáy một con ngõ yên tĩnh một thời Vũ Hoàng Chương đã ở, khu Cô Giang Cô Bắc, đầu ngõ là con đường Huỳnh Quang Tiên, khúc từ con ngõ nhìn ra có những vì tường xám của hãng thuốc lá MIC chạy dài trước mặt.

Tới ngõ, tôi xuống xe dắt bộ đi vào, và ngừng lại trước một căn nhà một tầng cổ cũ, căn nhà này là của gia đình Bình-nguyên Lộc, nhà văn chỉ mới dọn về ở một thời gian từ sau cái chết của người con trai lớn là Bác sĩ Giám Đốc Dưỡng Trí Viện Biên Hòa, để sống gần với người chị ruột ở căn nhà kế cận.

38 • Nhà Văn Bình Nguyên Lộc

Mở cánh cổng thấp, dựa xe vào thành tường, bên cạnh hai chậu vạn niên thanh trần môn xanh ngắt, một màu xanh muôn thuở, tôi gõ nhẹ tay vào thành cửa đóng kín. Nhớ lần nào tôi cũng phải đứng chờ ít phút, nhưng không lần nào phải trở về. Căn nhà yên lặng hoàn toàn. Tiếng gõ cửa ngân vào thật sâu thật xa ở bên trong, rồi là tiếng chân người đi ra. Rồi là cánh cửa hé mở từ từ và cái thân hình nhỏ bé, bộ đồ ngủ lụng thụng và cái mái tóc rẽ giữa duy nhất của văn học miền Nam, cái mái tóc rẽ giữa của Bình-nguyên Lộc.

Bao nhiêu lần như bao nhiêu lần, và cảm giác này càng rõ rệt những buổi sáng tới bạn sau vực thăm 1975, lần nào nhìn thấy Bình-nguyên Lộc, tao nhã, gầy guộc, trên cái nền mờ tối của căn nhà đóng kín, tôi cũng có được tức khắc, ở trong tôi, như một mẫu nhiệm êm đềm, một ấm áp và một yên tâm không thể nào tả được. Ấm áp như cái thế giới tiểu thuyết Bình-nguyên Lộc, không siêu hình, không gió bão, cái thế giới đã bốn mươi năm văn học ở trong đời sống và làm cho đời sống muôn vàn tươi thắm. Yên tâm như cái văn phong, cái nhân cách Bình-nguyên Lộc, dung dị mà bác học, đơn giản mà trí thức, Bình-nguyên Lộc con người và Bình-nguyên Lộc tác phẩm chính là niềm yên tâm lớn nhất một thời của văn học chúng ta.

Thấy anh, lần nào tôi cũng nói, cảm động thành thực:

– Còn được tới thăm anh.

Lần nào anh cũng cười:

– Còn được gặp anh. Vào đây.

Anh bảo tôi đưa xe vào nhà, kéo xe mất “hết đường tới thăm bạn”. Đoạn đóng cửa lại, bật ngọn đèn đầu giường và đi về phía sau đun một ấm nước.

Giữa đám sách vở, tài liệu bẻ bộn, cạnh một chỗ nằm cũng là chỗ ngồi làm việc của ông, trước một khay trà, thật bình dân, không cầu kỳ như khay trà Vũ Hoàng Chương và những điều thuốc đen ông đốt theo một nhịp điệu đều đặn, tôi thường ở rất lâu với Bình-nguyên Lộc. Tới trưa. Tới sau trưa. Tới cái gạt tàn có ngọn. Tới bình trà nguội tiếp thêm một bình trà. Một vài

lần còn tới giữa bữa cơm ông ấy lấy thêm bát đĩa ép tôi cùng ăn, bữa ăn cực kỳ thanh đạm, chỉ một soong cơm và một con cá khô hấp nóng. Phải, nhớ lần nào tôi cũng ở lại thật lâu. Với cái mái tóc rẽ giữa. Với những cử chỉ chậm rãi. Với cặp mắt thông minh sau làn khói. Với những đứng ngồi lên xuống từ tốn. Trong cái thế giới rất riêng tây, cách biệt của Bình-nguyên Lộc, càng riêng tây, càng cách biệt từ cộng sản đã vào tới Sài Gòn.

Những lần tới thăm Bình-nguyên Lộc như vậy, ông thường nói ít lời như một tạ lỗi, nhờ tôi nói lại với anh em, với mọi người. Rằng từ ngày người con trai lớn mất, ông đã chẳng muốn đi đâu. Rằng chứng áp huyết nặng tới kỳ chừng di chuyển, những hợp mặt. Rằng “họ” đã vào tới rồi, thành phố là của “họ”, đời sống chẳng còn gì đáng thấy, đóng cửa trong nhà thôi.

Lập luận về một thái độ sống thu vào im lặng và ẩn dật, thoát nghe ở Bình-nguyên Lộc tưởng thật dễ dàng. Sự thật, nó chẳng dễ dàng chút nào, với Bình-nguyên Lộc, với chế độ mới và Bình-nguyên Lộc, suốt thời gian ở đó. Và cái lý do giản dị chỉ là ông chẳng phải là một người viết văn như bất cứ một người viết văn nào mà là nhà văn hàng đầu, nhà văn lớn nhất miền Nam.

Bây giờ, đó là thời gian từ 30 tháng tư 75, tới đầu 76, Trung Ương Đảng Cộng Sản ở Hà Nội, tuy chưa phát động đàn áp và cầm tù văn nghệ sĩ, đã cho thi hành ở Sài Gòn một chính sách lũng đoạn hàng ngũ văn nghệ cực kỳ hiểm độc. Chính sách đó nhằm tạo kỳ thị, gây chia rẽ, giữa những nhà văn miền Bắc vào Nam trong đợt di cư 1954 với những nhà văn sinh trưởng ở Nam Phần. Suốt ba mươi năm văn học, Nam Bắc đã một nhà, Bắc Nam đã bằng hữu. Cộng sản muốn chấm dứt cái tình trạng hòa đồng tốt đẹp đó. Và người chúng đã dành hết mọi nỗ lực khuynh đảo là Bình-nguyên Lộc. Thoạt đầu là đám văn nghệ nằm vùng. Như Sơn Nam, Vũ Hạnh. Kế đó, đến nhóm văn nghệ của Mặt Trận Giải Phóng về thành, tạm thời được nắm giữ những địa vị quan trọng như Trần Bạch Đằng, Giang Nam, Anh Đức, nhiều kẻ đã quen biết Bình-nguyên Lộc từ xưa. Cuối cùng là đám nhà văn, nhà thơ công thần của chế độ và vào từ Hà Nội như Nguyễn Công Hoan, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Huy Cận. Tất cả, trên từng địa vị khác biệt, đã viết thư, điện thoại ân cần thăm hỏi tác giả Đồ Dọc, về sức khỏe, về đời sống của ông, nói thân thể ông mãi an toàn, sinh kế vẫn bảo đảm,

sự nghiệp không chôn vùi, ông vẫn nhà văn lớn. Tất cả đã lần lượt đến khu Cô Giang Cô Bắc, tươi cười, nhã nhặn gõ cửa xin gặp người trong ngôi nhà có hai chậu vạn niên thanh. Bình-nguyên Lộc tiếp hết, từ tốn, chừng chạc vậy thôi. Duy có một lần, không sao được, ông phải tới dự đại hội văn nghệ thống nhất lần thứ nhất ở Bộ Thông Tin cũ đường Phan Đình Phùng. Kỳ họp này, Vũ Hạnh, Thanh Nghị báo cáo kể công, Sơn Nam đóng trò nhiệt tình khóc lóc, riêng Bình-nguyên Lộc ngồi im lặng từ đầu đến cuối, không chịu phát biểu một lời nào.

Đó là lần đầu tiên, cũng là lần cuối cùng. Của tiếp xúc Bình-nguyên Lộc với chế độ mới. Cố nhân quen biết tương đối thân thiết nhất với anh là Giang Nam, được Thế Lữ ca ngợi là tiếng thơ cách mạng lớn nhất miền Nam, về Sài Gòn giữ chức vụ Chủ tịch Hội Văn Nghệ Giải Phóng, mặc dù đã viết cho Bình-nguyên Lộc một lá thư thật dài, thật tình cảm, cũng thất bại. Thư mời Bình-nguyên Lộc tới trụ sở Hội. Mời sinh hoạt. Mời hội họp. Mời viết lại. Và Bình-nguyên Lộc đã nhã nhặn viết một lá thư trả lời. Nói ông rất đau yếu. Nói bị chứng áp huyết. Nói chẳng còn làm được gì. Nói chẳng thể đi đâu. Nói xin được yên thân. Cuối cùng rồi mọi ve vuốt, mọi khuynh loát đều chịu thua, đều lùi bước trước sự nhã nhặn khuốc từ, trước cái nhân cách và sự tự trọng chói lọi của Bình-nguyên Lộc. Hò dành để cho Bình-nguyên Lộc được cách biệt, được một mình, được vẫn mãi mãi là Bình-nguyên Lộc trong căn nhà đóng kín.

Nhân cách trí thức độc lập ấy của Bình-nguyên Lộc, thái độ tuyệt vời của người nhà văn miền Nam ở Bình-nguyên Lộc, không một lần nào, ông phô trương mà chúng tôi đều biết, cả miền Nam đều biết và sung sướng vô cùng và quý mến rất mực.

Nhớ Bình-nguyên Lộc ở xa, tin tức quê nhà đã lâu không nhận được, chẳng biết vẫn còn hay đã mất, những lần sau cùng tới khu Cô Giang Cô Bắc, hình ảnh hai chậu vạn niên đại xanh ngắt một màu xanh muôn thuở trước ngôi nhà văn học đóng kín, lại trở về, xanh ngắt trong tôi.

Bình-nguyên Lộc. Cái mái tóc rẽ giữa, hai miên trung dung phân định như tấm lòng người quân tử một đường ngôi đời thẳng tắp. Bình-nguyên Lộc, bộ đồ lụa trắng, rất thông phán tòa sứ, rất trắng nước miên Nam, trên chiếc cyclo đạp chậm đưa ông tới gặp các tòa soạn Nghệ Thuật, Văn, Văn Đề chúng tôi làm, phần lớn là anh em nhà văn miên Bắc. Không có Nam Bắc với Bình Nguyên Lộc, chỉ có văn chương, chỉ có hợp tác, chỉ có bằng hữu. Tôi làm biếng lắm, ít khi đi đâu, đến chơi tôi nhé. Thân tình, hòa nhã. Cái truyện ngắn này dục tôi viết gấp, thì phải viết gấp, không được tốt lắm, thôi dùng tạm vậy. Nhũn nhặn, bình dị. Một năm trong bốn năm liền cùng ở chung trong Hội Đồng Giám Khảo giải thưởng Văn Chương toàn quốc, ông từ chối nói chứng áp huyết không còn leo nổi những bậc thềm cao của Dinh Độc Lập, cặp mắt đã yếu chẳng thể nào đọc hết được những tác phẩm dự thi. Nài mãi mới nhận. Nhưng cười, giao hẹn: “Vậy phải đọc hết giùm tôi, rồi đưa cho tôi đọc mười cuốn khá nhất.” Nghiêm chỉnh. Ngay thẳng. Năm đó, ông không vào Dinh Độc Lập được thật. Những bậc thềm cao quá cho tài viết hàng đầu.

Rồi là cái công trình Văn Học cuối đời của Bình-nguyên Lộc. Cuốn Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam đã phác thảo, đã in thành sách, trọn năm năm trời, tìm kiếm, sưu tập, thu thập thêm một kho tàng tài liệu mới, đã hoàn tất thành một biên khảo vĩ đại hơn một ngàn trang. Cộng Sản vào Nam. Thiên biên khảo kỳ công vẫn còn là bản thảo. Một lần tới thăm, tôi hỏi Bình-nguyên Lộc về công trình văn học đó. Và đó cũng là lần thứ nhất tôi thấy Bình-nguyên Lộc buồn phiền và thất vọng. Trèo qua cái giường ngủ, ông lấy từ một giá sách cao xuống một tập bản thảo nặng trĩu, trao nó cho tôi. Giọng ông trào lộng mà nụ cười thật buồn:

– Nó đây.

Và chỉ tay lên cái giá sách bụi bặm:

– Kia là mộ chôn nó.

Kể đó, ông thuật cho tôi hay về số phận của thiên biên khảo lịch sử, mà nguồn gốc dân tộc Việt, theo sử quan và chứng minh Bình-nguyên Lộc, không từ miền Bắc xuống mà từ biển ngoài vào. Một nhóm những người cao cấp về biên khảo lịch sử của nhà nước Cộng Sản từ Hà Nội vào, được nghe nói về công trình biên khảo này của Bình-nguyên Lộc. Họ tới. Tổ lòng ngưỡng mộ, rồi xin được mượn tập bản thảo về đọc, nói sẽ có nhận xét, sẽ có thảo luận. Mấy tuần sau, tập bản thảo được gửi trả lại với một lá thư ngắn nói quan điểm lịch sử nói chung và nguồn gốc dân tộc nói riêng của Bình-nguyên Lộc hoàn toàn thoái hóa và sai lầm đối với quan điểm biện chứng duy vật lịch sử cách mạng, khoa học và tiến bộ.

Thuật lại xong, ông lắc đầu, sự thất vọng hiện rõ nhưng giọng nói vẫn từ tốn:

– Thế là gạt bỏ, thế là phủ nhận. Nói là để đối chiếu, để thảo luận, mà không có gì ráo trọi. Tôi buồn vì cái công trình của mình, nhưng buồn hơn cả là cái sự gạt bỏ của miền Bắc đối với sách tôi không phải là một thái độ văn học, không hề được đặt trên căn bản văn học. Nói đến văn học, tuyệt đối không thể nói đến một lập luận, một giá trị độc tôn nào. Phải nhiều lập luận khác biệt, phải nhiều khái niệm đối nghịch, một vấn đề văn học, một nghi vấn lịch sử mới được chiếu sáng. Khoa học lịch sử thiết yếu phải có được yếu tính và tinh thần đó. Tôi buồn nhất là ở cái sự không có tranh luận, không có đối thoại ấy mà thôi. Chứ không hoàn toàn vì sách tôi không bao giờ còn hy vọng được in ra.

Tập bản thảo nghìn trang, mồ chôn là cái giá sách bụi bặm. Hai chậu vạn niên thanh xanh ngắt một màu xanh muôn thuở. Trí thức dựng cao lũy hoa. Một nhân cách chói lòa trong tự trọng một đời, đã tám năm im lặng trong ngôi nhà đóng kín. Chẳng bao giờ tôi còn được sáng sáng tới thăm Bình-nguyên Lộc nữa và Vũ Hoàng Chương đã mất. Nhưng ở thật xa và cách thật lâu rồi mà rõ thì vẫn thật rõ. Về Bình-nguyên Lộc, nhà văn miền Nam hàng đầu của văn học ta rõ bởi cái ánh sáng ấy, cái ánh sáng của một nhân cách rực rỡ, tôi đã nhìn thấy không ngừng, sau đổi đời và giữa cộng sản, sáng sáng đạp xe qua một Sài Gòn đổi chủ ngừng xe lại trước nhà có hai chậu vạn niên thanh.

Mai Thảo